

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

Căn cứ Công văn số 5406/BTTTT-CĐSQG ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai, phiên bản 2.0;

Căn cứ Kế hoạch số 2415/KH-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về Chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền điện tử/chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Chương trình hành động số 921/UBND-CTHD ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2023.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai; Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo việc thực hiện Kế hoạch này của các đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Gia Lai theo chức năng, nhiệm vụ quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Gia Lai và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. /.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- BCĐ Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, TTTH, NC, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Hải Long



KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 18 tháng 04 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2022

Triển khai Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ); Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ); Chiến lược Quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ) và các chỉ đạo khác của Chính phủ, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số; tỉnh Gia Lai đã ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ và mục tiêu để triển khai thực hiện.

Kết quả đạt được đến hết năm 2022 của các mục tiêu đã đặt ra theo các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số của tỉnh như sau:

1. Phát triển hạ tầng số:

- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 61%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 50%.
- Tỷ lệ phủ sóng di động tới thôn/làng/tổ dân phố đạt 100%.
- Tỷ lệ cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan nhà nước đạt 100%.

2. Phát triển Chính quyền số:

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt 63,5% (trên tổng số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ).
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 51,4% (tổng số hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ các thủ tục hành chính đã xây dựng dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ).
- Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh được thực hiện trực tuyến đạt 100% (qua Hệ thống Báo cáo của Chính phủ).
- Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục (không áp dụng đối với dữ liệu phục vụ công tác quốc phòng an ninh và dữ liệu Mật) đạt 14%.
- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) đạt 100%.
- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng: cấp tỉnh đạt 100%; cấp huyện đạt trên 90%; cấp xã đạt 70%.

3. Phát triển kinh tế số và xã hội số:

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 15%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 25%.
- Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 7%.
- Tỷ lệ người dân được cấp tài khoản định danh, xác thực điện tử đạt 8,1%.
- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức cho phép khác/tổng dân số từ 15 tuổi trở lên đạt 22,25%.
- Tỷ trọng thanh toán viện phí không dùng tiền mặt đạt 34,8%.
- Tỷ trọng thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt 23%.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2022

1. Nhận thức số:

a) Kết quả đạt được:

- Ngày Chuyển đổi số: Tỉnh Gia Lai đã ban hành Kế hoạch số 2141/KH-UBND ngày 21/9/2022 về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 về việc lấy ngày 10 tháng 10 hằng năm là Ngày Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia theo chủ đề năm 2022 “Chuyển đổi số giải quyết các vấn đề của xã hội vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân”.

- Tỉnh đã phổ biến, chia sẻ Kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" trên Zalo đến tất cả các cơ quan nhà nước các cấp để phổ biến đến từng cán bộ, công chức, viên chức biết và quan tâm theo dõi, tìm hiểu các bài viết được đăng tải trên kênh này.

- Tổ chức quán triệt Nghị quyết của Tỉnh ủy Gia Lai về Chuyển đổi số: Ngày 25/11/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức hội nghị quán triệt, học tập Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 921/UBND-CTHD ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU; hội nghị được tổ chức trong 01 buổi, theo hình thức trực tuyến, được phổ biến đến lãnh đạo chủ chốt từ cấp tỉnh đến cấp xã để tiếp tục nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế: Đây là năm đầu tiên triển khai việc hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số, do đó, các hình thức triển khai chủ yếu là tuyên truyền trên các ứng dụng nên kết quả đạt được chưa rõ nét, chưa thực sự có sức lan tỏa Ngày Chuyển đổi số đến cộng đồng nhân dân trên toàn tỉnh. Số lượng người quan tâm, theo dõi Kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" trên Zalo, Viber... chưa cao; chủ yếu là cán bộ, công chức phụ trách công nghệ thông tin, tham mưu chuyển đổi số tại các đơn vị.

2. Thể chế số:

2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch 05 năm của cấp chính quyền về chuyển đổi số:

a) Kết quả đạt được:

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến

năm 2030). Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Chương trình hành động số 921/UBND-CTHĐ ngày 12/5/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao nhiệm vụ cụ thể theo lộ trình cho các ngành, địa phương thuộc tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số. Hầu hết các ngành, địa phương cũng đã ban hành kế hoạch hành động của cấp uỷ, kế hoạch thực hiện chuyển đổi số 05 năm của ngành, địa phương.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Tại địa phương, giai đoạn 2021-2022, là giai đoạn đầu thực hiện chuyển đổi số, chủ yếu là hoạt động rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách, chương trình kế hoạch thực hiện, do vậy các kết quả cụ thể vẫn chưa rõ nét. Nhiều nhiệm vụ, chỉ tiêu của các Bộ, ngành Trung ương đề ra hầu hết ở giai đoạn cuối năm trước hoặc đầu năm sau, nhiều nhiệm vụ triển khai cần có kinh phí, trong khi việc xây dựng dự toán ngân sách đã triển khai từ quý III của năm trước, gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện.

- Năm 2022 là năm chuyển giao, là năm đầu Chính phủ đẩy mạnh việc chỉ đạo về triển khai chuyển đổi số; do đó, thời gian chủ yếu của năm 2022 dành cho việc xây dựng các kế hoạch, chương trình, văn bản chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh để triển khai các Văn bản chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành; do đó, nội dung của các kế hoạch, chương trình còn chồng chéo giữa các văn bản, thời gian để thực hiện theo đó bị thu ngắn lại trong khi yêu cầu báo cáo kết quả triển khai thực hiện của các kế hoạch, chương trình, văn bản chỉ đạo thì quá nhiều.

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số:

a) Kết quả đạt được:

- Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai được kiện toàn từ Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai (Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 22/10/2021). Các thành viên Ban Chỉ đạo theo nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tham mưu các chủ trương, cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của tỉnh, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng đô thị thông minh. Các đơn vị, địa phương cũng thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số của đơn vị để chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số.

- Năm 2022, Ban Chỉ đạo đã thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá mức độ Chính quyền điện tử tại các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2021 và các tháng đầu năm 2022; thẩm định, đánh giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng mức độ Chính quyền điện tử của các sở, ban, ngành; địa phương thuộc tỉnh.

- Theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và căn cứ các mục tiêu tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGČĐS ngày 15/3/2022, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch số 07/KH-BCĐČĐS ngày 22/8/2022 về Kế hoạch Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2022; trong đó đặt ra các mục tiêu tương ứng và phân công, giao từng chỉ tiêu và từng nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh để theo dõi và thực hiện.

- Cuối tháng 11 năm 2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Trưởng ban Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đã chủ trì cuộc họp tổng kết hoạt động năm 2022 và đề ra phương hướng hoạt động trong năm 2023 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai.

b) Tồn tại, hạn chế: Sự tham gia, chủ động đề xuất, triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi của các ngành, các thành viên Ban Chỉ đạo còn chưa thật sự tích cực. Các thành viên

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh chưa nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc triển khai chuyển đổi số ngành, lĩnh vực mình phụ trách mà coi việc chuyển đổi số là trách nhiệm của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, là nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin, nhiệm vụ của Sở Thông tin và Truyền thông nên công tác chỉ đạo, triển khai chưa quyết liệt.

3. Hạ tầng số:

a) Kết quả đạt được:

- Hạ tầng và dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đến nay, đã phủ điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ tại 100% xã thuộc tỉnh; 100% xã, phường, thị trấn được kết nối cáp quang đến trung tâm; phủ sóng điện thoại 3G, 4G đến thôn, làng; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 50%, tỷ lệ người dân sử dụng Internet hơn 57%; tỷ lệ người dân sử dụng thiết bị thông minh đạt hơn 61% dân số trưởng thành và đã từng bước tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số phục vụ đời sống.

- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã triển khai phủ sóng cho 17/21 thôn, làng chưa kết nối Internet di động trên địa bàn toàn tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 952/KH-UBND ngày 16/5/2022 triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Bưu điện tỉnh Gia Lai đã thu thập thông tin cơ bản về địa chỉ số của 397.628 hộ gia đình (sử dụng ứng dụng Vpostcode). Hiện nay Sở TT&TT đang phối hợp với Bưu điện tỉnh để tiếp nhận, khai thác Nền tảng địa chỉ số theo chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Tồn tại, hạn chế: Địa bàn của tỉnh Gia Lai rộng, dân cư phân bố không đồng đều, nhiều vùng là miền núi, vùng sâu, vùng xa nên việc phát triển hạ tầng viễn thông, phủ sóng di động băng rộng còn khó khăn.

4. Dữ liệu số:

a) Kết quả đạt được:

- Các cơ sở dữ liệu của các ngành cũng được các đơn vị triển khai. Hầu hết các cơ sở dữ liệu do các đơn vị, địa phương tự quản lý, lưu trữ trên các hạ tầng kỹ thuật của đơn vị (hoặc thuê), chưa được lưu trữ quản lý trên hệ thống tập trung.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh đã triển khai kết nối để khai thác Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư phục vụ xử lý thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (cho 236 dịch vụ công trực tuyến thiết yếu: 183 cấp tỉnh, 37 cấp huyện, 16 cấp xã có nhu cầu khai thác dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư); kết nối chính thức với các hệ thống, CSDL của Trung ương thông qua NGSP (như: CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; CSDL quốc gia về bảo hiểm; CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam;...).

b) Tồn tại, hạn chế: Tỉnh chưa xây dựng được kho dữ liệu, Cổng dữ liệu mở của tỉnh.

5. Nền tảng số:

a) Kết quả đạt được:

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã công bố danh sách các nền tảng số ưu tiên sử dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2022 và những năm tiếp theo để ưu tiên sử dụng phục vụ

phát triển Chính quyền số (tại Công văn số 2627/UBND-KGVX ngày 12/11/2022). Theo đó, nhiều tầng phục vụ Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số đã được xây dựng, triển khai.

b) Tồn tại, hạn chế: Một số nền tảng phục vụ Chính quyền số chậm xây dựng, triển khai (Nền tảng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Nền tảng trợ lý ảo, Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân).

6. Nhân lực số:

a) Kết quả đạt được:

- Tất cả Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đã được thiết lập kênh giao tiếp trên nền tảng Zalo (Zalo Official Account) để cung cấp thông tin với người dân; đồng thời Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Công ty VNG (Zalo) tổ chức tập huấn, hướng dẫn quản lý, vận hành các kênh giao tiếp trên nền tảng Zalo chuyển đổi số.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo, thành lập 1.604 Tổ công nghệ số cộng đồng (CNSCD) tại 17 huyện, thị xã, thành phố và 220 xã, phường, thị trấn, nhằm hỗ trợ người dân trong tiếp cận công nghệ số, tham gia vào quá trình chuyển đổi số của địa phương. Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Cục Chuyển đổi số quốc gia – Bộ TT&TT và các đơn vị liên quan của tỉnh tổ chức Chương trình bồi dưỡng, tập huấn cho các Tổ công nghệ số cộng đồng với 5.007 thành viên tham gia; phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ TT&TT tổ chức khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số cho 472 học viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và cán bộ quy hoạch Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Tồn tại, hạn chế: Nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin của tỉnh còn yếu và thiếu; chưa có chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin (là nhân lực tham mưu thực hiện chuyển đổi số tại các đơn vị, địa phương; nhân sự của Sở Thông tin và Truyền thông liên tục có biến động).

7. An toàn, an ninh thông tin mạng:

a) Kết quả đạt được:

- Các hệ thống thông tin dùng chung được vận hành tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh được phê duyệt theo cấp độ, triển khai các phương án đảm bảo an toàn thông tin theo đúng quy định và được triển khai giải pháp giám sát an toàn thông tin (hệ thống SOC), kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia để được theo dõi, cảnh báo an toàn thông tin cho các hệ thống Chính quyền điện tử của tỉnh Gia Lai.

- Tỉnh đã xây dựng lực lượng tại chỗ, kiện toàn, duy trì hoạt động Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tổ chức 02 khóa tập huấn, diễn tập ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng cho các thành viên. Trong năm 2022 cử 48 công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng về an toàn thông tin và tham gia các đợt diễn tập về ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của Cục An toàn thông tin tổ chức. Theo đánh giá của Bộ TT&TT trong nhiều năm tỉnh Gia Lai nằm trong nhóm **B** (nhóm **Khá**) về an toàn thông tin.

b) Tồn tại, hạn chế: Theo kiểm tra, đánh giá của Cục Kỹ thuật nghiệp vụ, Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an và Công an tỉnh Gia Lai tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh (do Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai - đơn vị trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai quản lý, vận hành) thì các hệ thống thông tin của tỉnh còn tồn tại một số lỗ hổng bảo mật về an ninh mạng, an toàn hệ thống thông tin nên tỉnh Gia Lai các hệ thống thông tin của tỉnh

chưa thể kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Chính phủ số:

a) Kết quả đạt được:

- Hạ tầng CNTT tại các cơ quan nhà nước đã được đầu tư, nâng cấp đáp ứng yêu cầu cơ bản cho hoạt động xây dựng chính quyền điện tử; 100% cơ quan có mạng nội bộ, kết nối mạng diện rộng (WAN) và Internet băng thông rộng. Trung tâm tích hợp dữ liệu đáp ứng yêu cầu cơ bản vận hành các hệ thống thông tin dùng chung...

- Các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh đã được triển khai theo các chỉ đạo của Trung ương như: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu địa phương (LGSP); hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tích hợp với chữ ký số chuyên dùng (đã cấp gần 5.000 chứng thư số); hệ thống Một cửa điện tử triển khai 100% đơn vị hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã; phần mềm đánh giá sự hài lòng của công dân, doanh nghiệp trong xử lý thủ tục hành chính; hệ thống quản lý giao việc; thư điện tử công vụ; hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai và các trang thông tin điện tử các sở, ngành, UBND cấp huyện, xã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định.

- Công dịch vụ công của tỉnh cung cấp 136 dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 3 và 1.069 DVCTT mức độ 4 (100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp ở mức độ 4); trong đó có 797 dịch vụ công trực tuyến được tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia (đạt tỷ lệ 66,2% so với tổng số DVCTT của tỉnh đã cung cấp). Trong năm 2022, số hồ sơ trực tuyến được tiếp nhận và giải quyết qua các DVCTT là 33.896 hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến/tổng số hồ sơ phát sinh (cả trực tuyến và trực tiếp) của các DVCTT đạt 50,2% (tương ứng 33.896/67.522). Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã chỉ đạo, giao chỉ tiêu về tỷ lệ thực hiện các DVCTT cho các đơn vị, địa phương thực hiện từ năm 2022 đến 2025.

- Các nhiệm vụ theo Đề án "Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh" tiếp tục được triển khai; UBND thành phố Pleiku đã đầu tư xây dựng và chính thức đưa vào vận hành Trung tâm giám sát, điều hành và cung cấp một số dịch vụ đô thị thông minh (như: Phản ánh hiện trường, giám sát trật tự đô thị, giám sát giao thông,...) bước đầu đã đạt được một số kết quả tích cực. Ngành Giáo dục và Đào tạo đã triển khai các phòng học thông minh. Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu, cổng thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh (tại địa chỉ: <https://gialaitourism.vn> và thông qua ứng dụng "Du lịch Gia Lai").

b) Tồn tại, hạn chế: Một số nhiệm vụ do Chính phủ giao chưa hoàn thành (như: Nâng cấp, chuyển đổi Cổng Thông tin điện tử sang Ipv6; Hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh tạo thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh); tỷ lệ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp.

9. Kinh tế số:

a) Kết quả đạt được:

- Tỉnh đã ban hành, triển khai Kế hoạch Phát triển doanh nghiệp công nghệ số, trong đó tập trung phát triển doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số; tổ chức tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<https://digital.business.gov.vn>), sử dụng các nền tảng số theo Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Bộ Thông tin và Truyền thông (<https://smedx.vn>); triển khai hỗ trợ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các doanh

ng nghiệp nhỏ và vừa thông qua các chương trình đào tạo kiến thức về khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh, kiến thức Giám đốc điều hành doanh nghiệp; hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh, hợp tác xã, các chủ thể có sản phẩm OCOP áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo tiêu chuẩn quốc gia...

- Hiện nay 100% doanh nghiệp của tỉnh Gia Lai đã sử dụng hóa đơn điện tử với 5.340 tổ chức, doanh nghiệp đang hoạt động và trên 850 hộ, cá nhân kinh doanh theo phương pháp kê khai sử dụng hóa đơn điện tử.

- Về phát triển thương mại điện tử (TMĐT), tỉnh đã phát triển các sàn giao dịch TMĐT địa phương (<http://thuongmaigialai.vn>; <https://ocopgialai.vn> do ngành Công thương quản lý); hỗ trợ cho hơn 300 doanh nghiệp, hộ sản xuất nông nghiệp và các sản phẩm được chứng nhận OCOP 3 - 4 sao lên sàn TMĐT; tham gia vào Chương trình “ Gian hàng Việt trực tuyến Quốc gia” (Bộ Công Thương); hỗ trợ xây dựng 180 trang web, phần mềm ứng dụng TMĐT cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh; UBND cấp huyện cũng tổ chức các lớp tập huấn về TMĐT cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tham gia các sàn TMĐT lớn...doanh thu ước đạt trên 100 tỷ đồng... Tỉnh cũng triển khai chương trình đưa sản phẩm của hộ nông dân lên sàn TMĐT Postmart.vn (của VNPost), Voso.vn (của Viettel Post); Bưu điện tỉnh Gia Lai đã triển khai ký thỏa thuận hợp tác với Hội Nông dân tỉnh hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Đến nay, số hộ sản xuất nông nghiệp được tập huấn về kỹ năng số và đưa sản phẩm lên 02 sàn TMĐT này là hơn 87.742 hộ; với hơn 503 sản phẩm, trong đó sản phẩm OCOP hơn 42/214 sản phẩm và phát sinh hơn 2.500 giao dịch, doanh thu phát sinh đạt hơn 1,1 tỷ đồng.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Các giải pháp huy động sự tham gia của các doanh nghiệp còn chưa hiệu quả; chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia, nên việc triển khai các chương trình về hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa còn nhiều hạn chế.

- Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin tại tỉnh rất ít, chủ yếu kinh doanh thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông; chưa có doanh nghiệp công nghệ số đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia, thúc đẩy chuyển đổi số của địa phương. Hoạt động chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh trong các doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế.

10. Xã hội số:

a) Kết quả đạt được:

- Số lượng người dân được cấp tài khoản định danh, xác thực điện tử là 127.013 người/1.567.721 người (Tổng dân số tỉnh Gia Lai); chiếm tỷ lệ 8,1%.

- Số lượng tài khoản ngân hàng của người dân trên địa bàn tỉnh từ 15 tuổi trở lên hiện nay là 245.702 tài khoản/tổng dân số từ 15 tuổi trở lên (đạt tỷ lệ 22,25%).

- Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện Quyết định 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; 100% (23/23) các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đã triển khai thanh toán chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt. Tuy nhiên, tỷ lệ giao dịch còn thấp, chỉ có 08/23 cơ sở y tế có phát sinh giao dịch.

- Tỷ trọng thanh toán học phí không dùng tiền mặt của ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Gia Lai trong năm 2022 đạt 23%.

b) Tồn tại, hạn chế: Nhiều chỉ tiêu về chuyển đổi số có yêu cầu rất cao, nhất là các chỉ tiêu về kinh tế số và xã hội số vì liên quan đến người dân, doanh nghiệp, cách xác định tỷ lệ mà Trung ương hướng dẫn công thức tính chưa phù hợp cũng như cách thu thập, xác định các tỷ lệ này chưa có (Ví dụ: Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số; Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức cho phép khác;...); trong khi đó mặt bằng chung về trình độ công nghệ thông tin của người dân còn thấp; thói quen và điều kiện hoạt động trên môi trường số của người dân ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa còn có khoảng cách lớn so với khu vực đô thị.

11. Kinh phí thực hiện:

Các đơn vị, địa phương, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã quan tâm bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, chuyển đổi số năm 2022. Việc sử dụng kinh phí để đầu tư triển khai đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được thực hiện tiết kiệm, hiệu quả.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo).

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin;
- Luật An toàn thông tin mạng;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 /4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Chương trình hành động số 921/CTHĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai phiên bản 2.0;
- Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành Kế hoạch xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;
- Kế hoạch số 2415/KH-UBND ngày 03/12/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030;
- Kế hoạch số 1901/KH-UBND ngày 14/9/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành Đề án Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025;
- Kế hoạch số 1609/KH-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về phát triển doanh nghiệp công nghệ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Kế hoạch số 2200/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;
- Kế hoạch số 665/KH-UBND ngày 07/4/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về Tổ chức triển khai diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;
- Kế hoạch số 555/KH-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về triển khai Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia";
- Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về triển khai "Đề án phát triển ứng dụng về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia";
- Kế hoạch số 952/KH-UBND ngày 16/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Gia Lai;
- Kế hoạch 1331/KH-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;
- Kế hoạch số 2167/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Công văn số 1241/UBND-KGVX ngày 14/6/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về triển khai Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia;

- Công văn số 2627/UBND-KGVX ngày 12/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về công bố danh sách các nền tảng số ưu tiên sử dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2022 và những năm tiếp theo.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

- Năm 2023 là “Năm quốc gia về dữ liệu số” do đó tỉnh Gia Lai tập trung phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường hoàn thành việc kết nối cơ sở dữ liệu đất đai, đưa vào khai thác sử dụng; hoàn thành kết nối các hệ thống thông tin của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai cơ sở dữ liệu các ngành theo hướng dẫn của các Bộ, ngành.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số tỉnh Gia Lai theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia; triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ của năm 2023 theo các chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số và các Bộ, ngành Trung ương và các nội dung theo Chương trình hành động số 921/CTHĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tiếp tục các nhiệm vụ xây dựng tỉnh Gia Lai hướng tới Chính quyền số.

- Nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và huy động sự tham gia tích cực của người dân trong việc thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động:

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đủ điều kiện được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động đạt 100%.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 80%.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) xử lý trực tuyến đạt 50%.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 100%.

- Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh được thực hiện trực tuyến đạt 100%.

- Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục đạt 50% (không áp dụng đối với dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng).

- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng đạt 100% (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật).

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng tại cấp tỉnh đạt 100%, tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp huyện đạt 90%, tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã trên 70%.

- 20% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- 40% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông

qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Phần đầu chỉ số chuyển đổi số của tỉnh trong nhóm 30/63 tỉnh, thành phố.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế:

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 30%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 50%.
- Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 7,5%.

2.3. Phát triển xã hội số:

- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 85%.
- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đạt 75% hộ gia đình, 100% cấp xã.
- Tỷ lệ phủ sóng di động tới thôn/làng/tổ dân phố đạt 100%.
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G hoặc 5G.
- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt từ 65-70%.
- Tỷ trọng các trường học, cơ sở giáo dục sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí đạt tối thiểu 50%.
- Tỷ trọng các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt phần đầu đạt trên 10%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt từ 30 % trở lên.
- Tỷ lệ người dân ứng dụng định danh điện tử đạt từ 15-20%.

2.4. Phát triển đô thị thông minh:

- Duy trì, triển khai có hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của thành phố Pleiku và cung cấp một số dịch vụ đô thị thông minh (như: Phản ánh hiện trường, giám sát trật tự đô thị, giám sát giao thông,...) cũng như cơ sở dữ liệu, cổng thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh; kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch (tại địa chỉ: <https://gialaitourism.vn> và thông qua ứng dụng “Du lịch Gia Lai”).
- Tiếp tục triển khai các ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh theo Kế hoạch, Đề án được duyệt, như: Hệ thống hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa; hệ thống “Xây dựng phần mềm và triển khai cơ sở dữ liệu, phần mềm Hồ sơ sức khỏe công dân”; hệ thống e-learning (học trực tuyến) cho các trường THPT trên địa bàn thành phố Pleiku; dự án “Quản lý trật tự xã hội: Xây dựng hệ thống giám sát trật tự an toàn xã hội”; triển khai thí điểm một số dịch vụ đô thị thông minh tại một số địa phương (thị xã An Khê,...).
- Xây dựng và triển khai hệ thống thông tin ngành y tế nhằm phục vụ tốt hơn các dịch vụ y tế đến người dân.

2.5. Bảo đảm an toàn thông tin:

- 100% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.
- 100% cán bộ chuyên trách CNTT tại các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố được tham gia các khóa tập huấn, diễn tập ngắn hạn về kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin, xử lý ứng cứu sự cố an toàn mạng.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Gia Lai được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin.
- Tiếp tục triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình "4

lớp"; duy trì hệ thống SOC để bảo đảm an toàn, an ninh cho các hệ thống thông tin; kết hợp thuê dịch vụ đánh giá, giám sát, an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền điện tử, đô thị thông minh.

(Phân công theo dõi thực hiện các chỉ tiêu tại Phụ lục 03 kèm theo)

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số:

1.1. Ngày Chuyển đổi số:

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và điều kiện thực tế của tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày chuyển đổi số của tỉnh năm 2023 bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tuyệt đối không phô trương, hình thức, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, phù hợp với mục đích, ý nghĩa, tinh thần cũng như chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số:

- Lựa chọn một số xã, phường thuộc tỉnh để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

- Tiếp tục chia sẻ, lan tỏa các câu chuyện Chuyển đổi số thành công tại địa chỉ <https://t63.mic.gov.vn> trên các Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, địa phương, các nhóm Zalo OA của các địa phương đến cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, địa phương thuộc tỉnh.

1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo:

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia trên Zalo để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

- Các đơn vị, địa phương triển khai, sử dụng hiệu quả các tài khoản Zalo OA được cấp để thực hiện công tác tuyên truyền, cung cấp thông tin cho hoạt động chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương và hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn.

2. Thể chế số:

- Tổ chức rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính của tỉnh theo các chỉ đạo mới nhất của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông về triển khai chuyển đổi số.

- Cụ thể hóa các văn bản của Chính phủ, Bộ, ngành, phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh Chuyển đổi số, gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với chuyển đổi số.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ tỉnh đến cơ sở để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

3. Hạ tầng số:

- Phát triển hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng chất lượng cao theo hướng thuê dịch vụ từ các doanh nghiệp viễn thông đảm bảo kết nối thông suốt từ cấp tỉnh

đến cấp xã, mở rộng các đối tượng liên quan tham gia một cách thống nhất, đồng bộ và tin cậy phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh.

- Phát triển, hoàn thiện hệ thống trang thiết bị họp trực tuyến của các cơ quan nhà nước (CQNN) từ cấp tỉnh đến cấp xã để nâng cao chất lượng công tác họp, trao đổi chuyên môn, phổ biến văn bản và đào tạo, tập huấn qua hình thức trực tuyến.

- Triển khai Kế hoạch số 2200/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông nâng cấp mạng di động 4G, ưu tiên triển khai tại cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch.

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống mạng LAN, máy tính, máy in, máy quét, thiết bị số hóa... đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ở các cấp, các ngành.

- Tiếp tục triển khai phòng họp trực tuyến cho các đơn vị cấp Sở nhằm hoàn thiện hệ thống Hội nghị truyền hình của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống E-learning (học trực tuyến) thí điểm cho một số trường THPT trên địa bàn tỉnh.

4. Dữ liệu số:

- Duy trì, cập nhật dữ liệu và phát huy hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) thông tin địa lý (GIS) một số ngành, lĩnh vực đã được xây dựng.

- Mở rộng kết nối, tích hợp các Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia với các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh Gia Lai thông qua Hệ thống tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).

- Triển khai Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Gia Lai.

- Thực hiện số hóa cơ sở dữ liệu đất đai, hình thành CSDL đất đai của tỉnh.

- Duy trì, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên và Môi trường.

- Đẩy mạnh số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Triển khai hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai.

- Triển khai nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về an toàn vệ sinh thực phẩm và hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Xây dựng và triển khai cơ sở dữ liệu, phần mềm hồ sơ sức khỏe công dân.

- Triển khai sử dụng các phần mềm do các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng (Phần mềm quản lý dữ liệu bảo vệ thực vật PPDMS 2.0) phục vụ cho công tác thống kê, dự tính, dự báo tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng; phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất; phát triển các cơ sở dữ liệu của ngành: CSDL về quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh Gia Lai; CSDL quản lý chất lượng an toàn thực phẩm; CSDL phục vụ phân

tích và dự báo thị trường nông sản; ơ sở dữ liệu quản lý Lâm nghiệp nhằm theo dõi diễn biến rừng). Đẩy mạnh việc thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

5. Nền tảng số:

- Duy trì hệ thống LGSP của tỉnh phục vụ kết nối các nền tảng dùng chung của tỉnh và các bộ, ngành.

- Duy trì hoạt động các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh: Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai; Cổng Dịch vụ công tỉnh Gia Lai; hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (tích hợp chữ ký số chuyên dùng Chính phủ); hệ thống Một cửa điện tử liên thông; phần mềm Quản lý giao việc; Hệ thống thư điện tử công vụ; hệ thống Hội nghị truyền hình...

- Tuyên truyền, sử dụng có hiệu quả các nền tảng số phục vụ công tác chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương (theo danh sách các nền tảng số đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai công bố theo Công văn số 2627/UBND-KGVX ngày 12/11/2022).

6. Nhân lực số:

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 2167/KH-UBND ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số; bồi dưỡng quản trị mạng nội bộ và bảo mật, an toàn, an ninh thông tin (tổ chức trực tuyến trên các nền tảng của Bộ Thông tin và Truyền thông).

- Tuyên truyền sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức cho CBCCVC, người dân và doanh nghiệp về lợi ích, hiệu quả đem lại của Chuyển đổi số, phát huy vai trò của các Tổ công nghệ số cộng đồng trong nhiệm vụ này.

- Tham gia các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn thông tin.

- Tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

- Tổ chức các đợt diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ phụ trách về an toàn, an ninh thông tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

7. An toàn thông tin mạng:

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình "4 lớp", đảm bảo khả năng thích ứng một cách chủ động, linh hoạt và giảm thiểu các nguy cơ, đe dọa mất an toàn thông tin trên không gian mạng, sẵn sàng các giải pháp phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì, phát triển hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC). Triển khai dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia (Cục An toàn thông

tin - Bộ Thông tin và Truyền thông).

- Chỉ đạo các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số trong công tác bảo đảm an toàn thông tin; phát triển hệ thống nền tảng, hạ tầng, mạng lưới gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Duy trì và phát triển hoạt động bảo đảm an toàn thông tin với mô hình 4 lớp theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng, mức độ giám sát và bảo vệ cho các hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho CBCCVN, người dân và doanh nghiệp.

8. Chính quyền số:

- Duy trì, nâng cấp, quản trị, vận hành tốt các hệ thống hệ thống dùng chung của tỉnh: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, hệ thống Một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công của tỉnh, Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP), hệ thống Hội nghị truyền hình, Cổng Thông tin điện tử tỉnh (hạ tầng kỹ thuật), hệ thống Thư điện tử công vụ, hệ thống Quản lý giao việc... Triển khai, phát triển các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số theo chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương.

- Tiếp tục triển khai, tích hợp, ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước tỉnh Gia Lai. Triển khai sử dụng chữ ký số, chứng thư số ở các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân để giao tiếp điện tử với chính quyền.

- Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Triển khai có hiệu quả các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) gắn kết chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính. Tiếp tục triển khai cung cấp DVCTT toàn trình và một phần theo chỉ đạo của Chính phủ; tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia; tích hợp giải pháp xác thực điện tử tập trung; số hóa hồ sơ, các kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) trên môi trường điện tử.

- Triển khai đồng bộ hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp, đổi lại giấy phép lái xe (GPLX), là dịch vụ công thiết yếu theo đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC cấp, đổi GPLX, đồng bộ dữ liệu về trung ương để tổ chức, cá nhân biết, khai thác thông tin; thông tin dữ liệu GPLX được tái sử dụng kết quả cho lần tiếp nhận hồ sơ tiếp theo.

- Ứng dụng CNTT hiệu quả, toàn diện tại bộ phận tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, tăng cường trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng; bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục, tin học hóa tối đa các hoạt động trong quy trình TTHC. Tiếp tục triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

9. Kinh tế số:

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 1331/KH-UBND ngày 22/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã

hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh, doanh nghiệp tham gia, giao dịch, kinh doanh qua các sàn thương mại điện tử. Tăng cường ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025.

- Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm từ ứng dụng công nghệ số.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành, chuyển đổi phương thức hoạt động trong các thành phần của nền kinh tế; ưu tiên là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain) và dữ liệu lớn (Bigdata) phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu số cho lãnh đạo các cấp, các ngành điều hành kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, phát triển thị trường thương mại số bền vững, ứng dụng rộng rãi sàn thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; phát triển hạ tầng số và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử; ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt trong cộng đồng.

10. Xã hội số:

- Đẩy mạnh phát triển xã hội số, phổ cập dịch vụ Internet băng thông rộng đến hộ gia đình và phủ sóng di động 4G/5G; khuyến khích doanh nghiệp triển khai nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử.

- Số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh và cung cấp dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử thông qua các hoạt động truyền thông.

- Tập huấn chuyên sâu về thương mại điện tử cho cán bộ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định, cơ chế, chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đẩy mạnh hoạt động, phát huy tốt vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng trong tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số đến người dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Phổ cập kỹ năng số, khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà. Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là sử dụng định danh điện tử cá nhân, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại. Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập, nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm.

- Trang bị phần mềm tuyển sinh đầu cấp cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai Hệ thống thư viện thông minh 4.0 và số hóa ấn phẩm, tài liệu tại Thư viện tỉnh nhằm phục vụ nhu cầu tra cứu, đọc sách cho người đọc.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, học tập, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Người đứng đầu chính quyền các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; tiên phong, đi đầu trong việc chuyển đổi số để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của địa phương, đơn vị mình; đẩy mạnh thanh toán điện tử tạo điều kiện cho thương mại điện tử phát triển; lấy việc triển khai thực hiện Nghị quyết 04/NQ-TU, Chương trình hành động số 921/CTHĐ-UBND là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu chính quyền các cấp.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, tạo sự thống nhất, quyết tâm chính trị cao triển khai thực hiện chuyển đổi số.

- Triển khai tuyên truyền các nội dung khuyến khích hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thanh thị xã và cấp xã; Cổng/Trang thông tin điện tử, các trang mạng xã hội, xe lưu động, Zalo...nhằm nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ của Chính quyền số.

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và Cổng Dịch vụ công tỉnh Gia Lai (<https://dichvucong.gialai.gov.vn>).

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp:

- Thu hút mọi nguồn lực cho chuyển đổi số trong các lĩnh vực; kết hợp đầu tư mới với thuê dịch vụ, hạ tầng và việc chuyển giao công nghệ; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các hệ thống CNTT làm nền tảng.

- Tạo cơ chế phối hợp với các doanh nghiệp triển khai thí điểm các ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; ưu tiên sử dụng hình thức thuê dịch vụ CNTT từ các doanh nghiệp.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ:

Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...tập trung ưu tiên một số lĩnh vực:

- Lĩnh vực nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số trong quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, hướng dẫn, khuyến khích nông dân thực hiện thương mại điện tử trong nông nghiệp tập trung vào các sản phẩm chủ lực của thị xã, như: Về đất đai, quản lý bảo vệ rừng, trồng trọt, chăn nuôi; các sản phẩm OCOP...cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng; hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện

sản xuất của địa phương; quản lý giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp. Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.

- Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển; huy động nguồn lực, tập trung phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa; tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, nhất là người dân ở vùng khó khăn, số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.

- Lĩnh vực y tế: Thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế, hỗ trợ khám, tư vấn, chữa bệnh từ xa để hỗ trợ người dân khám, chữa bệnh, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người; từng bước xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh, hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên nền tảng công nghệ số; sử dụng thanh toán điện tử, hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy. Xây dựng hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho khám, chữa bệnh từ xa và đơn thuốc điện tử cho người dân, nhằm bảo đảm người dân có thể tiếp xúc bác sĩ nhanh, hiệu quả, giảm chi phí và thời gian vận chuyển bệnh nhân.

- Lĩnh vực giao thông: Triển khai hệ thống giám sát giao thông minh tại các khu vực đông dân cư; thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển, khai thác hệ thống kho, bến, bãi phục vụ vận tải và logistics. Xây dựng triển khai các hệ thống quản lý kết cấu hạ tầng giao thông số, đăng ký và quản lý phương tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện số.

- Lĩnh vực công nghiệp: Khuyến khích xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động. Ưu tiên tập trung chuyển đổi số cho công nghiệp năng lượng tái tạo như: Điện năng lượng mặt trời, điện sinh khối hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả.

- Lĩnh vực tài nguyên môi trường: Xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản; biến đổi khí hậu; cảnh báo thiên tai, môi trường kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, bản đồ số; triển khai các giải pháp thông minh trong giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường. Thúc đẩy chuyển đổi số hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường nhằm hỗ trợ công tác quản lý, bảo quản, lưu trữ toàn diện thông tin, dữ liệu số về tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

- Lĩnh vực du lịch: Triển khai có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu, cổng thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch; phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, ứng dụng công nghệ số kết hợp công nghệ 3D, 4D để giới thiệu về điểm đến, các tour tuyến du lịch, sản phẩm, dịch vụ du lịch gắn nông, lâm nghiệp, cảnh quan thiên nhiên, cộng đồng và bản sắc văn hóa dân tộc người địa phương và phát triển ứng dụng thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch.

- Lĩnh vực tài chính: Triển khai tài chính điện tử, nền tảng tài chính số hiện đại; đẩy mạnh thanh toán điện tử trong các dịch vụ công; ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, kho bạc, các ngân hàng thương mại để cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng, sáng tạo; đưa dịch vụ tài chính – ngân hàng

đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ như thanh toán di động, cho vay ngân hàng.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin (CNTT):

- Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan; huy động nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số. Nguồn lực nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, kích thích sự tham gia, đóng góp về nguồn lực của các doanh nghiệp, người dân.

- Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện, đảm bảo an toàn, an ninh mạng; phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số.

5. Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế:

Tăng cường các hoạt động hợp tác trong nước, quốc tế trong phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số...).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Nguồn vốn từ ngân sách Trung ương (hỗ trợ, bổ sung có mục tiêu; qua các chương trình, dự án triển khai đến các địa phương); ngân sách địa phương (đầu tư công và vốn sự nghiệp); các nguồn kinh phí hợp pháp khác (hợp tác với doanh nghiệp, xã hội hóa...).

Các đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện có trách nhiệm đánh giá về hiện trạng, xây dựng dự toán kinh phí phù hợp với các nhiệm vụ cụ thể ở Kế hoạch này và tổ chức triển khai theo các quy định của pháp luật về đầu tư công và quản lý ngân sách.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai:

Chủ trì chỉ đạo, theo dõi các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai Kế hoạch này; nghiên cứu, đề xuất, triển khai các chủ trương, chính sách, kế hoạch thúc đẩy xây dựng, phát triển cho chuyển đổi số; tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện đạt hiệu quả các mục tiêu của Kế hoạch này; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch khi cần thiết.

3. Sở Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, chuyển đổi số ngành Công Thương, đặc biệt là thương mại điện

từ vùng nông thôn, cung cấp hàng hoá, đưa các sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử.

4. Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Gia Lai:

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tích cực thực hiện công tác chuyển đổi số theo định hướng phát triển của ngành; tăng cường phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán số.

5. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Chủ động rà soát, bổ sung nhiệm vụ vào Kế hoạch chuyển đổi số trong năm 2023 của cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời, chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch này.

- Định kỳ hàng quý (*trước ngày 30 tháng cuối quý*) báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương mình về UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp).

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm cá nhân trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách.

6. Các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông - công nghệ thông tin hoạt động trên địa bàn tỉnh Gia Lai:

- Chủ động phối hợp, hỗ trợ, triển khai các nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số của Kế hoạch này.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Chi tiết các nhiệm vụ, dự án tại Phụ lục 04, Phụ lục 05 kèm theo).

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2023; yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị, cá nhân liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch này, các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo, phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét, quyết định. /.





PHU LỤC 01:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

16 **Kèm theo Quyết định số 2 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)**

Số TT	Chỉ tiêu	Chủ trì theo dõi kết quả thực hiện	Mục tiêu thực hiện năm 2022	Kết quả tỉnh Gia Lai đạt được hiện nay	Đạt / Không đạt
I	Phát triển hạ tầng số				
1	Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh	Giám đốc Sở TT&TT	85%	61%	Không đạt
2	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	Giám đốc Sở TT&TT	75%	50%	Không đạt
3	Tỷ lệ phủ sóng di động tới thôn/làng/tổ dân phố	Giám đốc Sở TT&TT	100%	100%	Đạt
4	Tỷ lệ cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan nhà nước	Giám đốc Sở TT&TT	100%	100%	Đạt
II	Phát triển Chính quyền số				
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ	Giám đốc Sở TT&TT	80%	63,5%	Không đạt
2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý trực tuyến	Giám đốc Sở TT&TT	50%	51,4%	Đạt
3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC (đối với TTHC tiếp nhận tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh từ ngày 01/7/2022; đối với TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa cấp huyện từ ngày 01/12/2022)	Chánh Văn phòng UBND tỉnh	100%	100%	Đạt
4	Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh được thực hiện trực tuyến	Chánh Văn phòng UBND tỉnh	50%	50%	Đạt
5	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục (không áp dụng đối với dữ liệu phục vụ công tác quốc phòng an ninh và dữ liệu Mật)	Giám đốc Sở TT&TT	50%	14%	Không đạt
6	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật)	Giám đốc Sở TT&TT	100%	100%	Đạt

Thm

Số TT	Chỉ tiêu	Chủ trì theo dõi kết quả thực hiện	Mục tiêu thực hiện năm 2022	Kết quả tình Gia Lai đạt được hiện nay	Đạt / Không đạt
7	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	Giám đốc Sở TT&TT	- cấp tỉnh trên 90%; - cấp huyện trên 80%; - cấp xã trên 70%.	- cấp tỉnh: 100%; - cấp huyện: 90%; - cấp xã: 70%.	Đạt
III	Phát triển kinh tế số và xã hội số				
1	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	Giám đốc Sở KH&ĐT	30%	15%	Ước lượng, chưa có thống kê chính xác
2	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	Giám đốc Sở Tài chính	100%	100%	Đạt
3	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	Giám đốc Sở KH&ĐT	50%	25%	Ước lượng, chưa có thống kê chính xác
4	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	Giám đốc Sở Công Thương	7%	7%	Đạt
5	Tỷ lệ người dân ứng dụng định danh điện tử	Giám đốc Công an tỉnh	Từ 15-20%	8,1%	Không đạt
6	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	Giám đốc Sở Y tế	trên 90%	-	Ngành Y tế chưa thống kê được

Vra

Số TT	Chỉ tiêu	Chủ trì theo dõi kết quả thực hiện	Mục tiêu thực hiện năm 2022	Kết quả tỉnh Gia Lai đạt được hiện nay	Đạt / Không đạt
7	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức cho phép khác	Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Gia Lai	Từ 65-70%	22,25%	Không đạt
8	Tỷ trọng thanh toán viện phí không dùng tiền mặt	Giám đốc Sở Y tế	tối thiểu 50%	34,8%	Không đạt
9	Tỷ trọng thanh toán học phí không dùng tiền mặt	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	tối thiểu 50%	23%	Không đạt

PHU LUC 02:

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ, CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH GIA LAI - THỰC HIỆN NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Kinh phí thực hiện năm 2022	Nguồn vốn đầu tư	Thời gian thực hiện	Hiệu quả/ Hiện trạng
1	Đầu tư hệ thống giáo dục thông minh	Xây dựng hệ thống giáo dục thông minh	7.580.700.000	Nguồn vốn đầu tư (NSĐP)	2021-2023	Đang triển khai
2	Xây dựng hệ thống E-Learning	Xây dựng hệ thống E-Learning (học trực tuyến)	308.791.000	Nguồn vốn đầu tư (NSĐP)	2021-2025	Đang triển khai

Nhà

3	Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng góp phần phục vụ xây dựng chính phủ điện tử. Ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển bền vững	25.381.000.000	Nguồn vốn đầu tư (NSDP)	2022-2025	Đang triển khai
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu, công nghệ thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh; kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch	Tạo kênh truyền thông trực tuyến hiệu quả trong công tác xúc tiến, quảng bá du lịch, giới thiệu hình ảnh du lịch Gia Lai đến với du khách. Cầu nối trung gian, hỗ trợ, quảng bá các sản phẩm, dịch vụ cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch trong tỉnh, kết nối doanh nghiệp - du khách. Công khai, minh bạch thông tin nhằm tạo ra môi trường du lịch an toàn, thân thiện hơn với du khách. Tăng cường tiện ích, tối ưu hoạt động cho cơ quan quản lý nhà nước.	70.654.000	Nguồn vốn đầu tư (NSDP)	2021-2022	Đang sử dụng
5	Thuê đường truyền mạng số liệu chuyên dùng phục vụ kết nối hệ thống mạng WAN trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Đảm bảo các hệ thống thông tin sử dụng qua hệ thống mạng WAN được hoạt động liên tục, không bị gián đoạn	2.966.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đang triển khai
6	Đầu tư bổ sung hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm điều khiển, vận hành hệ thống Hội nghị truyền hình của tỉnh Gia Lai	Đảm bảo cho các cuộc họp trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp xã được liên tục, không gián đoạn	3.503.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đang triển khai
7	Duy trì, vận hành hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai	Duy trì hoạt động 24/7 của các hệ thống thông tin của tỉnh	1.242.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đã hoàn thành
8	Thuê dịch vụ hỗ trợ vận hành hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Gia Lai và vận hành hệ thống LGSP tỉnh Gia Lai	Đảm bảo hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Gia Lai và hệ thống LGSP tỉnh Gia Lai được vận hành thường xuyên, liên tục	474.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đã hoàn thành

Vme

9	Mua sắm thiết bị và gia hạn license cho các thiết bị thuộc hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	Duy trì hoạt động của các thiết bị thuộc hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu luôn hoạt động ổn định, thông suốt, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	4.816.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2023	Đang triển khai
10	Thuê dịch vụ cung ứng và vận hành hệ thống thông tin dịch vụ công 1022 tỉnh Gia Lai	Quản lý và thống nhất các kênh tiếp nhận khác nhau, để bảo đảm tiếp nhận, xử lý, phản hồi ý kiến, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân được kịp thời, trách nhiệm, hiệu quả, chuyên nghiệp, tăng cường tính minh bạch, phục vụ tốt hơn nhu cầu của tổ chức, cá nhân; góp phần xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử tiến tới Chính quyền số	37.500.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đã hoàn thành
11	Tổ chức Hội thi Tin học trẻ tỉnh Gia Lai lần thứ XXI năm 2022	Hội thi mang tính thường xuyên hằng năm theo chủ trương của Trung ương Đoàn TNCS HCM, Bộ Thông tin và Truyền thông nhằm khuyến khích, động viên việc học tập, nghiên cứu về CNTT của thanh thiếu niên, học sinh trong tỉnh góp phần phổ cập, nâng cao trình độ CNTT trong dân cư	156.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đã hoàn thành
12	Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai	Hỗ trợ cho Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh trong các hoạt động đánh giá, kiểm tra, học tập và triển khai các nội dung ứng dụng CNTT theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh	24.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đã hoàn thành
13	Triển khai kế hoạch ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Nhằm đánh giá các nguy cơ, sự cố an toàn thông tin mạng, phòng ngừa sự cố, giám sát phát hiện, bảo đảm các điều kiện sẵn sàng đối phó, ứng cứu, khắc phục sự cố; Xây dựng phương án đối phó, ứng cứu đối với một số tình huống sự cố cụ thể cho cán bộ phụ trách CNTT của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	734.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đã hoàn thành

Mina

14	Xây dựng mô hình áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho chuỗi cung ứng sản phẩm “Chôm Chôm Ia Grai”	Nhằm xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho chuỗi sản phẩm “Chôm Chôm Ia Grai”	300.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đã triển khai
15	Xây dựng mô hình thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm OCOP tỉnh Gia Lai	Nhằm xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm OCOP tỉnh Gia Lai	75.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đã triển khai
16	Thuê máy chủ ảo hóa vận hành phần mềm quản lý văn bản và điều hành tại Sở Ngoại vụ	Duy trì hoạt động của phần mềm quản lý văn bản và điều hành, phục vụ điều hành và xử lý công việc tại đơn vị	39.600.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đang hoạt động
17	Triển khai phòng họp trực tuyến tại Sở Ngoại vụ	Hiện đại hóa các phương thức tổ chức các cuộc họp; tiết kiệm thời gian, kinh phí cho các đơn vị liên quan.	253.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đã hoàn thành
18	Mua sắm thiết bị họp trực tuyến và máy chủ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đầu tư máy chủ vận hành hệ thống QLVBĐH của Sở NN&PTNT, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để triển khai mở rộng và duy trì hoạt động của hệ thống QLVBĐH của Sở NN&PTNT	779.700.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đã hoàn thành
19	Đầu tư phần cứng, bảo trì, bảo dưỡng, duy trì hệ thống nội bộ tại Sở Tài chính	Mua máy tính bàn, máy tính chuyên dùng; Thuê đường truyền internet, thuê IP tĩnh; Chi sửa chữa, thay thế thiết bị tin học	187.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đã hoàn thành
20	Duy trì, vận hành Phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương	Bảo trì, nâng cấp, vận hành hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương	204.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đã hoàn thành
21	Thuê máy chủ ảo hóa vận hành phần mềm quản lý văn bản và điều hành tại Sở Nội vụ	Duy trì hoạt động của phần mềm quản lý văn bản và điều hành, phục vụ điều hành và xử lý công việc tại đơn vị	30.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đã hoàn thành
22	Triển khai phòng họp trực tuyến tại Sở Nội vụ	Hiện đại hóa các phương thức tổ chức các cuộc họp; tiết kiệm thời gian, kinh phí cho các đơn vị liên quan.	188.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đang sử dụng

Minh

23	Trang bị Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tại Sở Xây dựng	Đầu tư thiết bị hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	218.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đang sử dụng
24	Trang bị Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tại Sở Công Thương	Đầu tư thiết bị Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	532.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đang sử dụng
25	Nâng cấp máy chủ quản lý văn bản điều hành tại Sở Công Thương	Duy trì hoạt động của phần mềm quản lý văn bản và điều hành, phục vụ điều hành và xử lý công việc tại đơn vị	179.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đang sử dụng
26	Kinh phí cho Thương mại điện tử	Phát triển thương mại điện tử, phát triển xã hội số để thực hiện chuyển đổi số tỉnh Gia Lai	125.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đã hoàn thành
27	Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống máy chủ, thiết bị CNTT ngành TNMT	Thay thế, nâng cấp, sửa chữa, gia hạn phần mềm hệ thống. Đảm bảo hệ thống trang thiết bị hoạt động ổn định, an toàn thông tin dữ liệu ngành	312.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đã hoàn thành
29	Xây dựng CSDL đất đai (không bao gồm cơ sở dữ liệu địa chính)	Thu thập, cập nhật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (không bao gồm cơ sở dữ liệu địa chính) tích hợp lên hệ thống phần mềm quản lý đất đai VBDLIS. (Hệ thống phần mềm VBDLIS được Ban quản lý dự án VILG cấp trung ương thuộc Tổng cục quản lý đất đai hỗ trợ cài đặt sử dụng và hướng dẫn kỹ thuật)	20.550.000.000	Nguồn vốn đầu tư (NSDP)	2021-2022	Đang triển khai
30	Đầu tư thiết bị hệ thống phòng họp trực tuyến tại phòng họp trực tuyến UBND tỉnh	Bổ sung một số thiết bị phục vụ chuyển tiếp tín hiệu các cuộc họp trực tuyến từ Trung ương đến UBND cấp huyện và UBND cấp xã	315.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đang sử dụng
31	Triển khai xây dựng diễn đàn đối thoại công tác dân tộc	Xây dựng diễn đàn đối thoại công tác dân tộc	2.144.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022-2023	Đang triển khai

Thư

32	Mua sắm máy chủ dự phòng tại Sở Y tế	Duy trì hoạt động của phần mềm quản lý văn bản và điều hành, phục vụ điều hành và xử lý công việc tại đơn vị	168.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đang sử dụng
33	Xây dựng phòng họp trực tuyến Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Hiện đại hóa các phương thức tổ chức các cuộc họp; tiết kiệm thời gian, kinh phí cho các đơn vị liên quan.	250.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đang sử dụng
34	Mua sắm trang thiết bị phục vụ đảm bảo an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Trang cấp, lắp đặt, cài đặt thiết bị, phần mềm nghiệp vụ và hạ tầng liên quan phục vụ công tác bảo vệ an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai bảo đảm đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu công tác trong tình hình mới; bảo đảm an ninh, trật tự phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử và chuyển đổi số	27.900.000.000	Nguồn vốn đầu tư (NSDP)	2022-2023	Đã hoàn thành
35	Dự án “Quản lý trật tự xã hội: Xây dựng hệ thống giám sát trật tự an toàn xã hội” thuộc Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”	Đầu tư Hệ thống camera giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Pleiku góp phần nâng cáo ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông; hiện đại hóa công tác tuần tra kiểm soát, phát hiện, xử lý các vi phạm về trật tự an toàn giao thông; hỗ trợ các lực lượng chức năng giám sát, theo dõi diễn biến trên các tuyến đường kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoạt động tội phạm và các vi phạm pháp luật	30.089.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đang triển khai
36	Đầu tư trang thiết bị triển khai hệ thống khám chữa bệnh từ xa cho các bệnh viện trên địa bàn tỉnh	Phục vụ công tác công tác khám, chữa bệnh cho người dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	4.769.000.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đang triển khai

Mmm

37	Mua sắm các máy tính, thiết bị, bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống thông tin, gia hạn bản quyền các phần mềm, thiết bị tường lửa, bổ sung thiết bị hội nghị truyền hình, duy trì đường truyền internet, ...	Duy trì hoạt động của các hệ thống thông tin, phần mềm và các thiết bị phục vụ hoạt động thường xuyên tại các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố; phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử tại từng đơn vị, địa phương	28.914.609.000	Nguồn vốn địa phương	2022	Đang sử dụng
38	Nâng cấp máy chủ quản lý văn bản điều hành tại Sở Tư pháp	Duy trì hoạt động của phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, phục vụ điều hành và xử lý công việc tại đơn vị	236.362.000	Nguồn vốn sự nghiệp (NSDP)	2022	Đang sử dụng
	TỔNG CỘNG		164.290.796.000			
	(Bảng chữ: Một trăm sáu mươi bốn tỷ, hai trăm chín mươi triệu, bảy trăm chín mươi sáu ngàn đồng)					

Thư

PHỤ LỤC 03:

PHÂN CÔNG THEO ĐỐI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị theo dõi	Mục tiêu phân đầu	Ghi chú
I	Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động			
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đủ điều kiện được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	Sở TT&TT	100%	
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ	Sở TT&TT	80%	
3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý trực tuyến	Sở TT&TT	60%	
4	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	100%	
5	Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh được thực hiện trực tuyến	Văn phòng UBND tỉnh	100%	
6	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục (không áp dụng đối với dữ liệu phục vụ công tác quốc phòng an ninh và dữ liệu Mật)	Sở TT&TT	50%	
7	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật)	Sở TT&TT	100%	
8	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	Sở TT&TT	- cấp tỉnh trên 90%; - cấp huyện trên 80%; - cấp xã trên 70%.	
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế			
1	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	Sở KH&ĐT	30%	
2	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	Sở Tài chính	100%	

Minh

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị theo dõi	Mục tiêu phấn đấu	Ghi chú
3	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	Sở KH&ĐT	35%	
4	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	Sở Công Thương	7,5%	
III	Phát triển xã hội số			
1	Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh	Sở TT&TT	85%	
2	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	Sở TT&TT	75%	
3	Tỷ lệ phủ sóng di động tới thôn/làng/tổ dân phố	Sở TT&TT	100%	
4	Tỷ lệ cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan nhà nước	Sở TT&TT	100%	
5	Tỷ lệ người dân được cấp tài khoản định danh, xác thực điện tử	Công an tỉnh	Từ 15-20%	
6	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	Sở Y tế	Từ 30 % trở lên	
7	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức cho phép khác	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Gia Lai	Từ 65-70%	
8	Tỷ trọng các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt	Sở Y tế	Trên 10%	
9	Tỷ trọng thanh toán học phí không dùng tiền mặt	Sở Giáo dục và Đào tạo	tối thiểu 50%	

Mh

PHỤ LỤC 04:

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ,
CHÍNH QUYỀN SỐ, CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023 (CÁC SỞ, BAN, NGÀNH)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn thực hiện	Kinh phí dự kiến năm 2023 (triệu đồng)	Ghi chú
1	Triển khai kế hoạch ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Nhằm đánh giá các nguy cơ, sự cố an toàn thông tin mạng, phòng ngừa sự cố, giám sát phát hiện, bảo đảm các điều kiện sẵn sàng đối phó, ứng cứu, khắc phục sự cố; Xây dựng phương án đối phó, ứng cứu đối với một số tình huống sự cố cụ thể cho cán bộ phụ trách CNTT của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên hằng năm	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	912	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
2	Hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai	Hỗ trợ cho Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh trong các hoạt động đánh giá, kiểm tra, học tập và triển khai các nội dung ứng dụng CNTT, chuyển đổi số theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên hằng năm	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	69	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
3	Thuê dịch vụ Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai	Quản lý các kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực để phục vụ công dân, doanh nghiệp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính qua mạng theo Nghị định 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ	Sở TT&TT	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	3.488	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính

Vmm

4	Mua sắm phần mềm Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Gia Lai	Phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số	Sở TT&TT	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	2.650	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
5	Quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và duy trì các hệ thống thông tin của tỉnh	Duy trì hoạt động 24/7 của các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh	Sở TT&TT	Duy trì, thường xuyên	2023	Nguồn vốn sự nghiệp	3.191	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
6	Mua sắm thiết bị và gia hạn license cho các thiết bị thuộc hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	Duy trì hoạt động của các thiết bị thuộc hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu luôn hoạt động ổn định, thông suốt, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	Sở TT&TT	Duy trì, thường xuyên	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	790	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
7	Thuê dịch vụ hỗ trợ vận hành hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Gia Lai và vận hành hệ thống LGSP tỉnh Gia Lai	Đảm bảo hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Gia Lai và hệ thống LGSP tỉnh Gia Lai được vận hành thường xuyên, liên tục	Sở TT&TT	Duy trì, thường xuyên	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	532	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
8	Thuê đường truyền mạng số liệu chuyên dùng phục vụ kết nối hệ thống mạng WAN trên địa bàn tỉnh	Đảm bảo các hệ thống thông tin sử dụng qua hệ thống mạng WAN được hoạt động liên tục, không bị gián đoạn	Sở TT&TT	Thường xuyên hằng năm	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	2.834	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
9	Mua sắm, sửa chữa thiết bị tin học phục vụ vận hành các hệ thống thông tin ngành tài chính	Thay thế sửa chữa thường xuyên phục vụ vận hành các hệ thống thông tin ngành Tài chính	Sở Tài chính	Nhiệm vụ thường xuyên	2023	Nguồn tự chủ và nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	300	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính

Man

10	Duy trì, vận hành Phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Gia Lai	Duy trì, bảo dưỡng, sửa lỗi phần mềm, hỗ trợ người sử dụng khai thác, vận hành, bổ sung, thay thế biểu mẫu theo quy định mới	Sở Tài chính	Nhiệm vụ thường xuyên	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	229	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
11	Tuyên truyền, phổ biến về thương mại điện tử	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử thông qua các hoạt động truyền thông	Sở Công Thương	Nhiệm vụ thường xuyên	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	50	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
12	Tập huấn chuyên sâu về Thương mại điện tử cho cán bộ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã	Tổ chức tập huấn, đào tạo kỹ năng thương mại điện tử cho cán bộ nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh về thương mại điện tử; nhằm nâng cao trình độ tham gia và khai thác các ứng dụng thương mại điện tử của doanh nghiệp, tăng cường khả năng nhận biết và ứng phó của người tiêu dùng với những hành vi tiêu cực trong thương mại điện tử	Sở Công Thương	Nhiệm vụ thường xuyên	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	45	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
13	Tuyên truyền, phổ biến các quy định, cơ chế, chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên các phương tiện thông tin đại chúng	Tuyên truyền, phổ biến các quy định, cơ chế, chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn	Sở Công Thương	Nhiệm vụ mới	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	45	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính

Handwritten signature

14	Tập huấn an toàn thông tin mạng cho các tổ chức xúc tiến thương mại, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; cán bộ các sở ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nâng cao kiến thức, năng lực đảm bảo an toàn thông tin mạng của các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường trực tuyến	Sở Công Thương	Nhiệm vụ mới	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	41	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
15	Tập huấn nâng cao năng lực về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại cho cán bộ các Sở, ngành	Nâng cao năng lực về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại cho cán bộ các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Nhiệm vụ mới	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	41	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
16	Hoạt động Xúc tiến thương mại (Tổ chức kết nối các doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất kinh doanh tham gia trưng bày sản phẩm/ hội chợ triển lãm bằng hình thức trực tuyến)	Tổ chức kết nối các doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất kinh doanh tham gia trưng bày sản phẩm/ hội chợ triển lãm bằng hình thức trực tuyến	Sở Công Thương	Nhiệm vụ mới	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	30	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
17	Duy trì hoạt động Công thông tin du lịch tỉnh Gia Lai	Duy trì hoạt động thường xuyên của Cổng thông tin du lịch tỉnh Gia Lai nhằm tạo kênh truyền thông trực tuyến hiệu quả trong công tác xúc tiến, quảng bá du lịch, giới thiệu hình ảnh du lịch Gia Lai đến với du khách trong và ngoài nước	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Duy trì thường xuyên	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	228	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính

18	Xây dựng phòng họp trực tuyến	Phục vụ các cuộc họp trực tuyến với Bộ, ngành, địa phương	Ban Dân tộc	Nhiệm vụ mới	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	273	Quyết định 768/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh
19	Thực hiện Tiểu dự án 2 – Dự án 10 về Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ban Dân tộc	Nhiệm vụ mới	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS TW) - Chương trình mục tiêu quốc gia	1.000	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
20	Nâng cấp phần mềm và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai (giai đoạn 2)	Nâng cấp phần mềm và xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ nhân sự đầy đủ, chính xác và cung cấp các chức năng quản lý cán bộ, công chức, viên chức một cách hiệu quả, đáp ứng tình hình quản lý cán bộ trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Dự án chuyển tiếp	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	3.701	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
21	Xây dựng cơ sở dữ liệu về an toàn vệ sinh thực phẩm và hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm	Triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin lĩnh vực y tế năm 2023 theo Đề án Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh	Sở Y tế	Nhiệm vụ mới	2023	Ngân sách địa phương	1.515	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
22	Xây dựng và triển khai cơ sở dữ liệu, phần mềm hồ sơ sức khỏe công dân						1.670	

Mmm

23	Duy trì hệ thống trang thiết bị phân cứng, phần mềm hệ thống.	Thay thế, nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị; gia hạn phần mềm hệ thống. Đảm bảo hệ thống trang thiết bị hoạt động ổn định, an toàn thông tin dữ liệu ngành	Sở Tài nguyên và Môi trường	Duy trì thường xuyên	2023	Ngân sách địa phương	519	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
24	Số hoá tài liệu đất đai	Chuyển đổi mô hình quản lý tài liệu giấy sang môi trường quản lý số. Tránh tình trạng hư hỏng, mất tài liệu	Sở Tài nguyên và Môi trường	Duy trì thường xuyên	2023	Ngân sách địa phương	337	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
25	Thuê dịch vụ hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Gia Lai	Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Trung ương	Văn phòng UBND tỉnh	Nhiệm vụ mới	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	1.896	Công văn số 4068/STC-HCSN ngày 09/12/2022 của Sở Tài chính
26	Triển khai sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất	Giúp các cơ quan quản lý, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sản xuất lâm nghiệp ở địa phương tham khảo thực hiện trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng... đúng mùa vụ; chủ động các biện pháp hạn chế tác động tiêu cực của thời tiết, sâu bệnh hại. Phổ biến tới các tổ chức, cá nhân liên quan biết, khai thác sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất. Cập nhật cơ sở dữ liệu cấp tỉnh và nhận thông tin từ Tổng cục Lâm nghiệp về công tác phát triển rừng	Chi cục Kiểm lâm (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Nhiệm vụ mới	2022-2030			Phần mềm do Tổng cục Lâm nghiệp xây dựng

Mina

27	Triển khai Phần mềm quản lý dữ liệu bảo vệ thực vật PPDMS 2.0	Phục vụ cho công tác thống kê, dự tính, dự báo tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng; đề xuất, định hướng các giải pháp phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng trên phạm vi toàn tỉnh	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Thường xuyên	Hàng năm			Phần mềm do Cục Trồng trọt triển khai
28	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh Gia Lai (theo đối, quản lý, cập nhật thông tin các mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói)	Sử dụng phần mềm để xây dựng và quản lý dữ liệu: Thu thập dữ liệu (hồ sơ, định vị GPS...); Xây dựng cơ sở dữ liệu, sử dụng phần mềm tương tự như Google Earth...	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Sở Nông nghiệp & PTNT)	Nhiệm vụ mới và chuyển tiếp	2023 - 2025			Phần mềm do Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật triển khai
29	Xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp và PTNT	Cơ sở dữ liệu quản lý chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; dữ liệu phục vụ phân tích và dự báo thị trường nông sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Nhiệm vụ thường xuyên	Hàng năm			Phần mềm do Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản triển khai
30		Cơ sở dữ liệu quản lý Lâm nghiệp (theo dõi diễn biến rừng)	Chi cục Kiểm lâm (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Nhiệm vụ thường xuyên	Hàng năm			Phần mềm do Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) quản lý, triển khai

Thư

31	Đẩy mạnh việc thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	Tiếp tục sử dụng phần mềm phát hiện sớm cháy rừng HostportGla trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng; Duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về theo dõi, giám sát đánh giá, gắn với công tác thống kê ngành lâm nghiệp; Đẩy nhanh việc hình thành khu lâm nghiệp ứng dụng cao trên địa bàn tỉnh.	Chi cục Kiểm lâm (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Nhiệm vụ thường xuyên	2022-2030			Phản mềm chạy trên ứng dụng ảnh vệ tinh miễn phí
32	Mua sắm hệ thống phòng họp trực tuyến tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai	Phục vụ công tác chuyên môn của Sở KH&CN (phục vụ các cuộc họp trực tuyến với Bộ KH&CN và các đơn vị thuộc Bộ, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cuộc họp của Hội đồng KH&CN cấp tỉnh, các cơ quan chủ trì thực hiện đề tài, dự án...	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhiệm vụ mới	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	700	Phù hợp về mục tiêu, sự cần thiết và nội dung triển khai theo ý kiến rà soát của Sở TT&TT tại Công văn số 1672/STTTT-CNTT ngày 27/10/2022
33	Hệ thống phòng họp trực tuyến tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tăng cường và mở rộng hình thức họp trực tuyến" trong các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 11/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước; Triển khai các giải pháp họp trực tuyến, các hệ thống hỗ trợ làm việc từ xa của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhiệm vụ mới	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tính)	562	Phù hợp về mục tiêu, sự cần thiết và nội dung triển khai theo ý kiến rà soát của Sở TT&TT tại Công văn số 1025/STTTT-CNTT ngày 05/7/2022

Handwritten signature

34	Hệ thống thư viện thông minh 4.0 và số hóa ấn phẩm, tài liệu tại Thư viện tỉnh	Chuẩn hoá, thống nhất, trao đổi - chia sẻ thông tin - tư liệu giữa các cơ quan thông tin - thư viện trong cả nước với nhau, nắm bắt xu thế phát triển của xã hội, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của bạn đọc. Lưu giữ và bảo quản nguồn tài liệu quý hiếm, tài liệu có giá trị nghiên cứu	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhiệm vụ mới	2023-2025	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	265	Phù hợp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11/02/2021
35	Trang bị phần mềm tuyển sinh đầu cấp cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn tỉnh	Phục vụ chuyển đổi số trong ngành giáo dục đã được UBND tỉnh phê duyệt tại <i>Quyết định số 664/QĐ-UBND, ngày 01/11/2022</i>	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhiệm vụ mới	2023	Nguồn vốn sự nghiệp (NS tỉnh)	5.606	Theo chỉ đạo tại Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 01/11/2022.
36	Xây dựng hệ thống E-learning (học trực tuyến)	Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án "Xây dựng Thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030" theo Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhiệm vụ mới	2022-2023	Nguồn vốn đầu tư (NS tỉnh)	24.500	Nghị quyết số 358/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai
37	Quản trị, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên và Môi trường	Duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu, cập nhật thông tin dữ liệu đảm bảo dữ liệu được cập nhật liên tục, hỗ trợ người dùng khai thác, sử dụng được ổn định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Duy trì thường xuyên	2023			Sử dụng nguồn chi thường xuyên của đơn vị

Man

38	Triển khai đồng bộ hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp, đổi lại GPLX (dịch vụ công thiết yếu theo đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ), thực hiện số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC cấp, đổi GPLX, đồng bộ dữ liệu về trung ương để tổ chức, cá nhân biết, khai thác thông tin; thông tin dữ liệu GPLX được tái sử dụng kết quả cho lần tiếp nhận hồ sơ tiếp theo.	Triển khai đồng bộ dịch vụ công trực tuyến cấp, đổi giấy phép lái xe toàn quốc trên công dịch vụ công quốc gia; kết nối với cơ sở dữ liệu về khám sức khỏe của Sở Y tế, dữ liệu về dân cư để nâng cao hiệu quả trong triển khai dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Giao thông vận tải	Nhiệm vụ thường xuyên	2023				Phần mềm do Cục đường bộ Việt Nam phát triển trên cơ sở hệ thống phần mềm quản lý cấp, đổi GPLX toàn quốc
Tổng cộng									
									58.048
Bảng chữ: Năm mươi tám tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu đồng.									

Minh

PHỤ LỤC 05:

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ, CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023 TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Số TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến năm 2023 (triệu đồng)	Ghi chú
1	Duy trì hoạt động Trung tâm Giám sát điều hành thành phố Pleiku; Thuê máy chủ; bảo trì; duy trì hệ thống hội nghị truyền hình, Công Thông tin điện tử và các hệ thống thông tin dùng chung	Đảm bảo Trung tâm Giám sát điều hành thông minh thành phố Pleiku và các hệ thống thông tin dùng chung của thành phố được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số của địa phương	UBND thành phố Pleiku	Duy trì thường xuyên	2023	1.575	Nguồn ngân sách thành phố
2	Duy trì, bảo dưỡng các hệ thống phần mềm CNTT; Thuê hạ tầng máy chủ; Duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử huyện; Ứng dụng sao lưu dữ liệu thường xuyên; Mua bản quyền phần mềm diệt virus	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện	UBND huyện Chư Pưh	Duy trì thường xuyên	2023	471	Nguồn ngân sách huyện
3	Bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống phần mềm; duy trì đường truyền Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của huyện; duy trì các phần mềm bảo mật, diệt virus	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện	UBND huyện Ia Pa	Duy trì thường xuyên	2023	221	Nguồn ngân sách huyện

Ma

4	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của địa phương	UBND huyện Chư Păh	Duy trì thường xuyên	2023	Nguồn ngân sách huyện
5	Bảo trì, duy trì các hệ thống dùng chung; duy trì hoạt động Công Thông tin điện tử của đơn vị; bổ sung thiết bị cho hệ thống hội nghị truyền hình; gia hạn phần mềm diệt virus	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện	UBND huyện Krông Pa	Duy trì thường xuyên	2023	Nguồn ngân sách huyện
6	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại địa phương	UBND huyện Đak Pơ	Duy trì thường xuyên	2023	Nguồn ngân sách huyện
7	Duy trì Trang thông tin điện tử và các hệ thống thông tin dùng chung; tập huấn nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT; gia hạn các phần mềm	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện	UBND huyện Đức Cơ	Duy trì thường xuyên	2023	Nguồn ngân sách huyện
8	Duy trì Trang thông tin điện tử và các hệ thống thông tin dùng chung; tập huấn nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT; gia hạn các phần mềm	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện	UBND huyện Chư Sê	Duy trì thường xuyên	2023	Nguồn ngân sách huyện

Mac

9	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của địa phương	UBND huyện Ia Grai	Duy trì thường xuyên	2023		Nguồn ngân sách huyện
10	Thuê hệ thống Hội nghị truyền hình cho 14 xã, thị trấn thuộc huyện; Bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống phần mềm CNTT; Duy trì hoạt động Công Thông tin điện tử huyện; Mua và gia hạn bản quyền các phần mềm	Duy trì Hội nghị truyền hình trực tuyến; Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử	UBND huyện Kbang	Duy trì thường xuyên	2023	956	Nguồn ngân sách huyện
11	Bảo trì, duy trì các hệ thống dùng chung; duy trì hoạt động Công Thông tin điện tử của đơn vị; bổ sung thiết bị cho hệ thống hội nghị truyền hình; gia hạn phần mềm diệt virus	Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử tại địa phương	UBND thị xã Ayun Pa	Duy trì thường xuyên	2023	204	Nguồn ngân sách thị xã
12	Duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử của huyện; bảo trì, duy trì các hệ thống dùng chung; thay thế, bổ sung các trang thiết bị; gia hạn phần mềm diệt virus; duy trì các phần mềm bản quyền	Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử tại địa phương	UBND huyện Kông Chro	Mở rộng; duy trì thường xuyên	2023	594	Nguồn ngân sách huyện

Mm

13	Đầu tư Phòng họp trực tuyến của Huyện ủy; Duy trì hoạt động Trang Thông tin điện tử huyện; bảo trì, duy trì các hệ thống dùng chung; thay thế, bổ sung các trang thiết bị	Mở rộng Hội nghị truyền hình trực tuyến đến khối Đảng; Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện	UBND huyện Phú Thiện	Duy trì thường xuyên	2023	2.655	Nguồn ngân sách huyện
14	Nâng cấp hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến; phát triển hạ tầng kỹ thuật; duy trì bản quyền các phần mềm; bồi dưỡng tập huấn; ... theo Kế hoạch Chuyển đổi số của địa phương	Đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung của huyện được vận hành và duy trì thường xuyên, liên tục; đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống và hạ tầng thiết bị CNTT tại các phòng, ban chuyên môn; đáp ứng hạ tầng để xây dựng Chính quyền điện tử của thị xã	UBND thị xã An Khê	Duy trì thường xuyên	2023	2.788	Nguồn ngân sách thị xã
15	Hệ thống Camera giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông	Trang hệ thống Camera công cộng giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn thị xã	Công an thị xã An Khê	Nhiệm vụ mới	2023	1.500	Nguồn ngân sách thị xã
16	Triển khai Trung tâm điều hành thông minh thị xã An Khê (triển khai thí điểm và hỗ trợ vận hành 6 tháng).	Triển khai Trung tâm điều hành thông minh thị xã góp phần nâng cao hiệu quả công tác chuyển đổi số của thị xã (Gồm các hợp phần: Giám sát, điều hành chỉ tiêu kinh tế - xã hội; Chỉ tiêu báo cáo, tổng kê; Giám sát hiệu quả hoạt động của chính quyền; Giám sát quản lý, sử dụng đất đai; Giám sát, điều hành an ninh trật tự công cộng, an toàn giao thông; Tương tác, giao tiếp phục vụ công dân; Giám sát chất lượng môi trường; Giám sát, điều hành lĩnh vực Y tế; lĩnh vực Giáo dục; Lĩnh vực du lịch và Giám sát thông tin trên Internet).	UBND thị xã An Khê	Nhiệm vụ mới	2023	7.000	Nguồn ngân sách thị xã

Man

17	Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa 3D, hệ thống tra cứu thông tin tài nguyên du lịch trên địa bàn thị xã An Khê	Xây dựng cơ sở dữ liệu, công thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch; phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, ứng dụng công nghệ số kết hợp công nghệ 3D để giới thiệu về điểm đến, các tour tuyến du lịch, sản phẩm, dịch vụ du lịch trên địa bàn thị xã	UBND thị xã An Khê	Nhiệm vụ mới	2023	2.000	Nguồn ngân sách thị xã
Tổng cộng							22.107
Bảng chữ: Hai mươi hai tỷ, một trăm lẻ bảy triệu đồng./.							

Mr